TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** **----------** ***Số:16/2018/QĐST- HNGĐ***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc *G, ngày 06 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 95/2017/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984; trú tại: xóm H, thôn C, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: **Anh Hoàng Thanh H**, sinh năm 1973; trú tại: xóm Đ, thôn N, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984; trú tại: xóm H, thôn C, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: **Anh Hoàng Thanh H**, sinh năm 1973; trú tại: xóm Đ, thôn N, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. ***Về con chung*:** Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Thanh H xác định có với nhau một con chung là cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 16/6/2016, hiện cháu T đang ở cùng chị T. Tiếp tục giao cháu Hoàng Anh T cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. ***Về tài sản chung, công nợ chung:*** Các đương sự xác định không có nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. ***Về án phí sơ thẩm ly hôn:*** Chị Nguyễn Thị T phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/04080, ngày 25/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị T được trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- *VKS huyện G;*
- *Chi cục THA dân sự huyện G;*
- *UBND xã G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN
Thẩm phán
(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc